

# TƯ TƯỞNG VỀ TỰ DO TRONG TRIẾT HỌC KHAI SÁNG PHÁP THẾ KỶ XVIII VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY

★ TS NGUYỄN QUỲNH ANH  
Trường Đại học An ninh nhân dân

- **Tóm tắt:** Trên cơ sở phân tích và chỉ ra giá trị tư tưởng về tự do trong Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, bài viết khẳng định việc kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những giá trị đó sẽ có ý nghĩa đối với Việt Nam trong bối cảnh hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát triển toàn diện con người ở Việt Nam hiện nay.
- **Từ khóa:** Triết học Khai sáng Pháp; tự do; tư tưởng; Việt Nam.
- **Ngày nhận:** 17/7/2025; **Ngày thẩm định:** 20/8/2025; **Ngày duyệt đăng:** 12/9/2025.

## 1. MỞ ĐẦU

Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII (với các triết gia tiêu biểu như Montesquieu, Rousseau, Voltaire...) là một giai đoạn chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của lý tính và tinh thần nhân văn, là giai đoạn mà các triết gia không chỉ phê phán trật tự phong kiến - thần quyền áp chế, mà còn xây dựng một hệ thống triết học đề cao tự do, coi đó là mục tiêu và phương tiện của mọi cải cách xã hội. Đóng góp của các triết gia thời kỳ này không chỉ ảnh hưởng sâu sắc đến các cuộc cách mạng tư sản mà còn làm giàu di sản tư tưởng chính trị - pháp lý hiện đại. Hiện nay, khi Việt Nam đang đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển, việc nghiên cứu và tiếp thu có chọn lọc những giá trị tự do trong Triết học

Khai sáng Pháp là điều cần thiết nhằm làm phong phú thêm nền tảng tư tưởng và thúc đẩy tiến trình xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Tư tưởng về tự do trong Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII

Trong Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, “tự do” là biểu tượng cho khát vọng giải phóng con người khỏi áp bức chuyên chế, sự ràng buộc của thần quyền và những thiết chế phong kiến lỗi thời. Dưới nhãn quan của các triết gia thời kỳ này, tự do được nâng lên thành giá trị phổ quát và là thể hiện cao nhất của tinh thần nhân văn. Denis Diderot khẳng định: “Tinh thần của thời đại chúng ta là tinh thần tự do”<sup>1</sup>. Tinh thần ấy làm cho “con người trở nên cao

thượng hơn, nâng cao tâm hồn của họ, khơi dậy lòng hào tâm và tình yêu”<sup>2</sup>.

Nội hàm khái niệm “tự do” trong quan niệm của các nhà Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII khá đa dạng. Montesquieu thừa nhận: “Không có một từ nào lại có nhiều cách định nghĩa theo những lối suy nghĩ khác nhau như từ *tự do*”<sup>3</sup>. Trong *Bàn về tinh thần pháp luật*, ông đã đưa ra một định nghĩa: “*Tự do, với ý nghĩa triết học, là được thực hiện ý chí của mình hoặc ít ra được nói lên quan niệm về thực hiện ý chí ấy*”<sup>4</sup>. Quan niệm này cho thấy cái nhìn về tự do như một quyền năng gắn liền với tính tự quyết và nhu cầu được tham gia, được bày tỏ chính kiến của con người.

Trên nền tảng pháp quyền tự nhiên, các triết gia Khai sáng Pháp coi tự do như là một quyền tự nhiên, gắn với bản chất người. Rousseau cho rằng con người sinh ra vốn là tự do, và có khả năng tự hoàn thiện. Với *Bàn về kế ước xã hội*, Rousseau nêu lên hàng loạt luận điểm như: “*Người ta sinh ra tự do*”<sup>5</sup> và “*Tự do là từ bản chất con người mà có*”<sup>6</sup>. Ông phản bác quan điểm cho rằng nhân dân phải từ bỏ tự do của mình cho một cá nhân cai trị: ngay cả khi có người chấp nhận hy sinh tự do cá nhân, thì điều đó không có nghĩa là họ được quyền tước đoạt tự do của thế hệ kế tiếp, bởi “*chúng được sinh ra vốn là người và là người tự do. Tự do thuộc về chúng, không ai có quyền hưởng tự do hơn chúng*”<sup>7</sup>.

Tư tưởng về tự do tự nhiên cũng được Chevalier de Louis Jaucourt - một thành viên của nhóm *Bách khoa toàn thư* thể hiện: “*Trạng thái đầu tiên mà con người có được qua tự nhiên, và người ta phải tôn trọng hơn hết thấy mọi tài sản mà người ta có được, chính là trạng thái tự do; không thể đổi nó lấy một cái khác, hay bán nó, hay làm mất nó*”<sup>8</sup>. Ở đây, tự do không chỉ là một quyền, mà còn là trạng thái khởi điểm của nhân tính, đạo đức, và là căn cứ để phản biện mọi hình thức thống trị không chính đáng.

Song, theo các triết gia Khai sáng Pháp, khi con người chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái dân sự, tự do không biến mất mà chuyển hóa thành quyền công dân, gắn với các quy tắc xã hội và thể chế chính trị. Montesquieu nhấn mạnh: “*tự do chính trị tuyệt đối không phải là muốn làm gì thì làm. Trong một nước có luật pháp, tự do chỉ có thể là được làm những cái nên làm và không bị ép buộc làm không nên làm (...)* *Tự do là quyền được làm tất cả những điều mà*

*luật cho phép*. Nếu một công dân làm điều trái luật thì anh ta không còn được tự do nữa, vì nếu để anh ta tự do thì mọi người đều được làm trái luật cả”<sup>9</sup>. Montesquieu đặt tự do trong giới hạn của pháp luật và trật tự, thể hiện tư duy tiến bộ về sự cân bằng giữa quyền tự do và trách nhiệm công dân.

Quan điểm nêu trên của Montesquieu đã được Rousseau chia sẻ, phát triển và cho rằng,

**Nội hàm khái niệm “tự do” trong quan niệm của các nhà Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII khá đa dạng. Montesquieu thừa nhận: “Không một từ nào lại có nhiều cách định nghĩa theo những lối suy nghĩ khác nhau như từ tự do”. Trong Bàn về tinh thần pháp luật, ông đã đưa ra một định nghĩa: “Tự do, với ý nghĩa triết học, là được thực hiện ý chí của mình hoặc ít ra được nói lên quan niệm về thực hiện ý chí ấy”. Quan niệm này cho thấy cái nhìn về tự do như một quyền năng gắn liền với tính tự quyết và nhu cầu được tham gia, được bày tỏ chính kiến của con người.**

trong trạng thái dân sự, con người không còn hành động theo dục vọng mà phải hành động theo những nguyên tắc hợp lý. Ông viết: “làm theo kích thích của dục vọng là nô lệ, mà tuân theo quy tắc tự mình đặt ra lại là tự do”<sup>10</sup>. Khái niệm tự do ở đây không chỉ là thoát khỏi sự áp chế từ bên ngoài mà còn là khả năng tự chủ, tự điều chỉnh hành vi theo lý trí và chuẩn mực đạo đức. Điều này thể hiện rõ nét trong tư duy Khai sáng: *tự do không đối lập với luật lệ, mà trái lại, luật lệ chính là công cụ bảo vệ tự do*.

Cùng với quan niệm về tự do như một biểu hiện của bản chất người, các triết gia Khai sáng Pháp chú trọng tới các quyền cụ thể gắn liền với tự do - trước hết là quyền sống. Montesquieu đã xác lập một “*quy luật con người phải tự tìm cách để nuôi sống*”<sup>11</sup> như một quy luật tự nhiên tối cao. Rousseau cũng khẳng định: “Luật đầu tiên của tự do là mỗi người phải được chăm lo sự tồn tại của mình”<sup>12</sup>. Ông nhấn mạnh: “mỗi oán ghét mạnh nhất” mà thiên nhiên đem lại cho con người “là ghét cái chết”<sup>13</sup>. Các triết gia Khai sáng đã phản bác những lý thuyết cổ vũ sự hy sinh bản thân một cách mù quáng, hoặc những hành vi xâm phạm sự sống nhân danh quyền lực, như giết kẻ bại trận: “một khi họ đã hạ vũ khí và đầu hàng thì họ không còn là kẻ thù hoặc công cụ của kẻ thù nữa, họ trở thành những người bình thường, và người ta không có quyền tiêu diệt sinh mạng họ”<sup>14</sup>.

Từ quyền được sống, tư tưởng về tự do trong Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII tiếp tục được mở rộng sang những phạm vi quyền khác - gắn liền với điều kiện để sống có nhân phẩm. Tự do, theo họ, không chỉ là quyền sống mà còn là quyền được sống an toàn, sống hạnh phúc. Montesquieu, trong Lời tựa của *Bàn về Tinh thần pháp luật*, đã thổ lộ lý tưởng: “*vô cùng sung sướng nếu có cách làm cho mọi người tìm*

*ra lý do để thích thú với nhiệm vụ của mình,... làm cho mọi người cảm nhận sâu hơn niềm hạnh phúc ngay trong xứ sở, trong nền cai trị, trong cương vị công tác của mình*”<sup>15</sup>. Lý tưởng ấy cũng được Rousseau thể hiện rõ nét trong *Bàn về kế ước xã hội*: “Tôi muốn tìm xem trong trật tự dân sự có chẳng một số quy tắc cai trị chính đáng, vững chắc, biết đối đãi với con người như con người”<sup>16</sup> và “Sung sướng biết bao mỗi lần tôi suy tư về các nền cai trị quốc gia, và tìm thấy những lý do mới để yêu sự cai trị ở xứ sở mình”<sup>17</sup>.

Bên cạnh quyền được sống an toàn, các triết gia Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII cũng đặc biệt nhấn mạnh tới quyền được đảm bảo an ninh như một yếu tố thiết yếu của tự do. Montesquieu viết: “*Tự do chính trị của công dân là sự yên tâm vì mỗi người nghĩ rằng mình được an ninh. Muốn đảm bảo tự do chính trị như vậy thì chính phủ phải làm thế nào để một công dân này không phải sợ một công dân khác*”<sup>18</sup> và “*Tự do chính trị bao hàm trong sự an ninh, hoặc ít ra là trong quan niệm về sự an ninh*”<sup>19</sup>. Ông đã nhìn thấy mối liên hệ thiết yếu giữa tự do và an toàn: khi không có an ninh, tức là khi sự sống và các quyền cơ bản không được bảo đảm, thì tự do trở thành một lời hứa suông.

Quan niệm nêu trên phản ánh một bước tiến trong nhận thức của các triết gia về mối quan hệ giữa con người và nhà nước. Trong trạng thái tự nhiên, con người tự vệ bằng bản năng cá nhân, bằng hành động tự phát, thậm chí mang tính bạo lực. Nhưng khi đã đi vào trạng thái dân sự, con người buộc phải gắn bó số phận của mình với cộng đồng chính trị, đặt niềm tin vào pháp luật và thể chế. Tuy nhiên, sự gắn bó đó chỉ có ý nghĩa khi chính quyền - đại diện cho “ý chí chung” - có thể bảo đảm an ninh cho từng cá nhân. Nếu không, như

Rousseau đã chỉ rõ, tự do chỉ còn là một danh xưng trống rỗng. Theo ông: “Con người phải được hưởng hòa bình và phồn vinh”<sup>20</sup>. Không có hòa bình - tức không có an ninh xã hội, và không có phồn vinh - tức không có điều kiện sống tối thiểu, thì mọi giá trị khác như lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú cũng trở nên vô nghĩa.

Đi xa hơn, theo các triết gia Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, tự do phải bao gồm cả quyền tự do tư tưởng. Denis Diderot - chủ biên của bộ *Bách khoa toàn thư* - đã dành riêng một mục để nói về khái niệm này. Ông viết: “Thuật ngữ tự do tư tưởng có hai nghĩa: một mang tính khái quát, và một ở phạm vi hẹp hơn. Ở nghĩa thứ nhất nó chỉ đến những ý tưởng to lớn định hướng con người đến chân lý. Nghĩa thứ hai mang tính giới hạn nói đến tinh thần mạnh mẽ mà con người mong đợi được từ một sự kiểm nghiệm tự do và chính xác (...). Tự do tư tưởng thật sự là việc duy trì tinh thần cảnh giác chống lại định kiến cũng như mọi sự vội vã, khinh suất”<sup>21</sup>. Tư duy tự do chính là biểu hiện sống động nhất của bản tính người: khả năng suy nghĩ, nghi vấn, và phản tư về chính thể giới mà họ đang sống.

Về cơ bản, tự do tư tưởng không thể tách rời khỏi quyền tự do ngôn luận - tức quyền được phát biểu, chia sẻ và bảo vệ chính kiến của bản thân. Đồng thời, nó cũng gắn bó chặt chẽ với quyền tự do tôn giáo. Các triết gia Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII đều là những người dân thân trong cuộc đấu tranh này. Họ thật sự sống với tư tưởng của mình - dù bị kiểm duyệt, cấm xuất bản hay thậm chí bị truy bức. Voltaire từng tuyên bố một cách can đảm và nhân văn: “Tôi không hoàn toàn đồng ý với anh, nhưng tôi sẵn sàng hy sinh tánh mạng để bảo vệ quyền tự do phát biểu ý kiến của anh”<sup>22</sup>. Đây

là một trong những tuyên ngôn mạnh mẽ nhất của triết học chính trị hiện đại về giá trị của tự do ngôn luận.

Montesquieu cũng đã triển khai lập luận một cách chặt chẽ để bảo vệ quyền phổ biến và truyền bá tư tưởng mới, nhằm chống lại chế độ chuyên chế. Còn Rousseau thì bày tỏ tự do tư tưởng là một phần không thể thiếu trong trách nhiệm công dân: “Sinh ra là công dân của một nhà nước tự do, thành viên của một cộng đồng có chủ quyền, dù cho tiếng nói của tôi chỉ ảnh hưởng yếu ớt tới công việc chung, tôi cũng có quyền được chọn lựa đối với công việc chung”<sup>23</sup>. Tự do tư tưởng theo nghĩa đó không còn chỉ là quyền tự nhiên, mà đã trở thành một quyền - nghĩa vụ gắn liền với tư cách thành viên của cộng đồng chính trị.

Tư tưởng về quyền tự do tư tưởng - ngôn luận trong thời kỳ Khai sáng còn gắn bó sâu sắc với khái niệm “khoan dung”. Theo *Từ điển thuật ngữ và phê bình triết học* của André Lalande, “khoan dung” được định nghĩa là “khuyến hướng của tinh thần, hay quy tắc hướng dẫn, cho phép ai đó quyền tự do thể hiện ý kiến của mình, kể cả khi người ta không chia sẻ với ý kiến đó. (...) Đó không phải là từ bỏ niềm tin của mình hoặc tránh biểu lộ, bảo vệ hay truyền bá nó, mà là cấm tất cả những biện pháp bạo hành, lăng nhục hay lừa dối, tóm lại là đề xuất tư tưởng của mình mà không tìm cách áp đặt nó”<sup>24</sup>.

Tinh thần khoan dung ấy, trong bối cảnh Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, chủ yếu được đặt trong lĩnh vực tôn giáo, nơi mà các cuộc xung đột tín ngưỡng từng kéo dài đẫm máu trong thế kỷ trước. Khoan dung tôn giáo trong quan niệm Montesquieu là “đòi hỏi các tôn giáo chẳng những không quấy rối nhà nước mà còn không được quấy rối lẫn nhau”<sup>25</sup> và “Một nước

đã có sẵn tôn giáo thì cũng đừng nên cấm việc thiết lập một tôn giáo khác”<sup>26</sup>. Rousseau cũng nhấn mạnh “phải chấp nhận mọi thứ tôn giáo”<sup>27</sup>. Trong tác phẩm *Bàn về khoan dung* (1763), Voltaire đã viết: “những người Thiên chúa giáo nên có thái độ khoan dung với người khác. Tôi thậm chí còn đi xa hơn và nói rằng chúng ta nên coi tất cả mọi người như những anh em của mình”<sup>28</sup>.

Có thể nói, tư tưởng về tự do chiếm một vị trí quan trọng trong Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII. Các triết gia giai đoạn này coi tự do là “tinh thần thời đại”. Trong trạng thái dân sự, tự do thể hiện qua việc có quyền làm những gì không trái với khuôn khổ pháp luật, được pháp luật bảo vệ. Đó là việc thoát ra khỏi sự chế ngự của dục vọng tự nhiên, để làm chủ chính bản thân mình. Quyền tự do mà các triết gia Khai sáng Pháp đề cập không trừu tượng mà được cụ thể hóa thành các quyền như: quyền sống và sống hạnh phúc, quyền được đảm bảo an ninh, quyền tự do tư tưởng - ngôn luận, quyền tự do tôn giáo...

## **2.2. Ý nghĩa của tư tưởng tự do trong Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII đối với Việt Nam hiện nay**

Tư tưởng về tự do của Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII đã góp phần quan trọng trong làm giàu văn minh nhân loại, khơi nguồn cho những cuộc cách mạng chính trị - pháp lý. Các triết gia Khai sáng Pháp đã hình thành nên một hệ thống tư tưởng nhất quán đề cao lý tính,

phẩm giá con người, quyền tự nhiên và bất khả xâm phạm của mỗi cá nhân. Họ không chỉ phê phán mạnh mẽ trật tự phong kiến chuyên chế mà còn đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng một trật tự xã hội vì con người. Điều đó đã trở thành nền tảng lý luận cho Cách mạng Pháp 1789, Cách mạng Mỹ 1776 và hình thành hệ thống luật quốc tế về quyền con người

Chủ nghĩa Mác - Lênin, trong tiến trình phát triển, đã kế thừa nhiều giá trị của triết học Khai sáng, đặc biệt là tinh thần giải phóng con người khỏi áp bức, bất công và nô dịch. C.Mác và Ph.Ăngghen đều đánh giá cao vai trò lịch sử của cuộc Cách mạng tư sản Pháp, đồng thời phê phán tính hình thức của tự do tư sản để nâng cao lý tưởng tự do từ khuôn khổ pháp lý sang giải phóng xã hội. Nhờ đó, khái niệm tự do được mở rộng không

chỉ trong phạm vi chính trị, mà còn gắn với quyền sở hữu, điều kiện sống và vị thế của người lao động.

Tại Việt Nam, các tư tưởng tiến bộ phương Tây, đặc biệt là tư tưởng Khai sáng, đã thấm vào dòng chảy tư tưởng dân tộc từ đầu thế kỷ XX. Các nhà chí sĩ như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã tiếp cận với các “tân thư”, nhấn mạnh đến dân quyền, pháp quyền, và giáo dục khai minh như con đường cứu nước. Tư tưởng về tự do của Triết học Khai sáng Pháp cũng được Hồ Chí Minh tiếp thu một cách biện chứng, sáng tạo. Người đã sử dụng chúng để làm cơ sở khẳng định quyền độc lập, tự do của cả một dân tộc. Trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1945, Hồ

**Tư tưởng về tự do của Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII đã góp phần quan trọng trong làm giàu văn minh nhân loại, khơi nguồn cho những cuộc cách mạng chính trị - pháp lý. Các triết gia Khai sáng Pháp đã hình thành nên một hệ thống tư tưởng nhất quán đề cao lý tính, phẩm giá con người, quyền tự nhiên và bất khả xâm phạm của mỗi cá nhân.**

Chí Minh trích dẫn các tuyên ngôn nổi tiếng của Mỹ và Pháp, rồi khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>29</sup>.

Hiện nay Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, yêu cầu phát triển toàn diện con người - với tư cách là trung tâm, chủ thể và mục tiêu của phát triển - đặt ra một đòi hỏi cấp thiết đối với hệ tư tưởng và nền tảng giá trị quốc gia. Đảng ta khẳng định phải phát triển con người Việt Nam cả về trí tuệ, đạo đức, bản lĩnh và khả năng hội nhập. Muốn vậy, cần tiếp tục kế thừa có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại, trong đó có tư tưởng tự do của Triết học Khai sáng Pháp. Việc làm này không nhằm sao chép mô hình phương Tây, mà để làm phong phú thêm nhận thức lý luận, củng cố thêm nền tảng tư tưởng cho việc xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, thượng tôn pháp luật, lấy con người làm trung tâm. Ý nghĩa của tư tưởng tự do trong Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII đối với Việt Nam hiện nay có thể kể đến là :

*Thứ nhất, tư tưởng tự do trong Triết học Khai sáng Pháp là cơ sở tham chiếu để tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.*

Một trong những luận điểm kinh điển của Triết học Khai sáng Pháp - “tự do là quyền được làm tất cả những gì mà luật pháp cho phép” - đã đặt ra một giới hạn mang tính tiên bộ cho khái niệm tự do: đó không phải là sự tự do tuyệt đối, vô chính phủ, mà là tự do được điều chỉnh bởi pháp luật, nhằm đảm bảo không ai bị xâm phạm bởi tự do của người khác. Quan niệm này đã ảnh hưởng lớn đến tiến trình xây dựng và vận hành các thể chế nhà nước pháp

quyền hiện đại. Đối với Việt Nam việc kế thừa tư tưởng Khai sáng trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không chỉ có ý nghĩa bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp trong hoạt động công quyền, mà còn mở rộng không gian tự do, quyền và sự an toàn của mỗi công dân. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định rõ: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”; đồng thời, quyền lực nhà nước “có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”. Những nội dung đó đã thể hiện sự vận dụng tư tưởng chủ quyền nhân dân của Rousseau và cơ chế kiểm soát quyền lực của Montesquieu một cách sáng tạo, phù hợp với những đặc thù của Việt Nam.

*Thứ hai, tư tưởng tự do trong Triết học Khai sáng Pháp góp phần xây dựng tinh thần nhân văn cho việc bảo đảm, phát huy quyền con người tại Việt Nam.*

Triết học Khai sáng Pháp khẳng định: “Con người sinh ra tự do” và “chỉ có luật pháp mà mình tham gia lập ra thì mới xứng đáng để tuân thủ”. Quan niệm này không chỉ phản ánh giá trị nhân văn của thời đại Khai sáng mà còn mở ra hướng tiếp cận hiện đại về quyền con người - nơi mà tự do không chỉ là trạng thái pháp lý mà còn là điều kiện sống có phẩm giá. Ở Việt Nam, việc bảo đảm và thúc đẩy quyền con người là một trong những mục tiêu trọng tâm của quá trình phát triển. Đảng, Nhà nước ta đã không ngừng mở rộng hệ thống pháp luật và chính sách để bảo vệ các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Việt Nam tiếp cận quyền con người một cách toàn diện - không chỉ tập trung vào các quyền tự do bề mặt như ngôn luận, biểu đạt, tín ngưỡng, mà còn nhân

mạnh các quyền thiết yếu như quyền được sống trong an ninh, được chăm sóc y tế, được tiếp cận giáo dục, được phát triển. Có thể nói, tinh thần “tự do như một quyền con người bất khả xâm phạm” của Triết học Khai sáng đã góp phần để chúng ta tham khảo nhằm định hình các chính sách an sinh xã hội toàn diện, phát triển con người toàn diện, vì một xã hội công bằng và bền vững.

*Thứ ba, tư tưởng tự do trong Triết học Khai sáng Pháp là bài học có giá trị cho việc khuyến khích sáng tạo và xây dựng xã hội dân chủ ở Việt Nam.*

Tinh thần khoan dung - không chỉ là thái độ đạo đức cá nhân mà còn là nguyên tắc chính trị và phương pháp xây dựng một xã hội văn minh - là di sản tinh thần quý báu của triết học Khai sáng. Trong bối cảnh Việt Nam đang khuyến khích đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế tri thức, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và chuyên đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, việc tạo dựng một môi trường khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, tự do tư duy, tự do học thuật, bảo vệ quyền biểu đạt chính kiến trong khuôn khổ pháp luật là hết sức cần thiết. Điều này không chỉ tạo động lực cho phát triển khoa học - công nghệ, mà còn góp phần thúc đẩy dân chủ cơ sở, gắn bó lòng dân, nâng cao hiệu lực - hiệu quả quản trị xã hội. Tinh thần khoan dung, biểu hiện qua tự do tư tưởng, ngôn luận của Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, do đó, không phải là khái niệm trừu tượng, mà là nguyên lý thực tiễn cần được tiếp tục thể chế hóa trong giáo dục, truyền thông, tổ chức bộ máy, phát triển xã hội dân chủ và đồng thuận.

*Thứ tư, tư tưởng tự do của Triết học Khai sáng Pháp có giá trị tham khảo trong việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.*

Với quan điểm “Tuân theo luật do chính

mình đặt ra, đó là tự do”, các nhà Khai sáng Pháp khẳng định quyền tự do chỉ tồn tại thực sự khi người dân được tham gia vào quá trình lập pháp, điều hành, kiểm soát quyền lực - tức là quyền tự quản chính trị. Tư tưởng này có giá trị tham khảo lớn trong bối cảnh Việt Nam đang tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Đó là nền tảng để thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, là cơ sở để thúc đẩy xây dựng các thiết chế dân chủ, qua đó bảo đảm người dân không chỉ là đối tượng quản lý mà còn là chủ thể đồng kiến tạo chính sách công. Điều này góp phần quan trọng trong củng cố niềm tin, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sự đồng thuận và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

*Thứ năm, tư tưởng tự do trong Triết học Khai sáng Pháp góp phần tạo ra động lực tinh thần cho chiến lược phát triển con người Việt Nam.*

Trong thời đại toàn cầu hóa, kinh tế số và cạnh tranh về chất lượng nguồn nhân lực, việc phát triển con người không thể chỉ dựa vào các thiết chế vật chất mà phải xuất phát từ tư tưởng, từ việc đề cao tự do phát triển cá nhân - trong giáo dục, nghề nghiệp, sáng tạo và tự thể hiện. Triết học Khai sáng, với tinh thần khai phóng, đã khẳng định vai trò trung tâm của con người trong sự vận động của xã hội - không phải như một công cụ, mà là một chủ thể sáng tạo. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định con người là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực của sự phát triển. Để thực hiện điều đó chúng ta xây dựng một môi trường tự do học tập, sáng tạo, làm việc, bảo đảm công bằng cơ hội, đồng thời tạo điều kiện để từng cá nhân phát triển tối đa tiềm năng, năng lực và phẩm giá của mình. Đây chính là hiện thực hóa tinh thần tự do của triết

học Khai sáng - vì một xã hội nơi con người không chỉ được sống mà còn được sống đúng với giá trị của mình.

### 3. Kết luận

Tư tưởng về tự do trong Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII có vị trí đặc biệt trong lịch sử văn minh nhân loại. Theo các triết gia Khai sáng, tự do không chỉ là một quyền tự nhiên vốn có của con người mà còn là một quyền dân sự phải được bảo vệ bởi một nhà nước pháp quyền chính đáng. Trong quan niệm của họ, tự do là quyền được làm mọi điều pháp luật cho phép, là khả năng tự chủ của lý trí, và được cụ thể hóa thành các quyền sống, quyền an ninh và quyền tự do tư tưởng.

Tại Việt Nam, việc nghiên cứu và kế thừa có chọn lọc di sản này mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, cung cấp cơ sở tham chiếu quan trọng để tiếp tục hoàn thiện Nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát triển toàn diện con người. Tự do của cá nhân được bảo hộ và quyền lực được kiểm soát chính là nền tảng vững chắc nhất để bảo đảm và phát huy quyền con người. Môi trường thượng tôn pháp luật và tôn trọng con người tất yếu sẽ kiến tạo một xã hội dân chủ, khoan dung. Tinh thần đó tiếp tục được hiện thực hóa sâu sắc qua việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, quy tụ về mục tiêu cao nhất là giải phóng và phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân, xem con người vừa là trung tâm, vừa là động lực của sự phát triển. Có thể nói, tiếp thu các giá trị tiên bộ của Triết học Khai sáng là một quá trình tiếp biến sáng tạo, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Việt Nam hùng cường, phồn vinh và văn minh trong kỷ nguyên phát triển vươn mình của dân tộc ❖

<sup>1</sup> Viện Triết học, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô: *Triết học thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa: triết học Khai sáng từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1962, tr.130-131.

<sup>2</sup> Jonathan Israel: *Democratic Enlightenment: Philosophy, Revolution, and Human Rights, 1750-1790*, Oxford University Press, 2012, p.819.

<sup>3, 4, 9, 11, 15, 18, 19, 25, 26</sup> Charles de Secondat Montesquieu: *Bàn về Tinh thần pháp luật*, Nxb Lý luận chính trị, 2004, tr.103; 127; 104 - 105; 41; 32, 106; 127; 204; 205

<sup>5, 6, 7, 10, 12, 14, 16, 17, 20, 23, 27</sup> Jean - Jacques Rousseau: *Bàn về khế ước xã hội*, Nxb Lý luận Chính trị, 2004, tr.52; 53; 59; 74; 53; 62, 51; 51; 112; 51; 243.

<sup>8</sup> Icher, François: *Les Lumières*, Éd. Martinière, Paris, 2004, tr.18.

<sup>13</sup> Jean - Jacques Rousseau: *Émili hay là về giáo dục*, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2014, tr.255.

<sup>21</sup> <https://www.marxists.org/reference/archive/diderot/1765/freedom-thought.htm>.

<sup>22</sup> Will Durrant: *Câu chuyện Triết học qua chân dung Plato, Aristotle, Bacon, Kant, Spinoza, Voltaire, Spencer*, Nxb Đà Nẵng, 2000, tr.190.

<sup>24</sup> A.Lalande: *Vocabulaire technique et critique de la philosophie*. Ed. PUF, Paris, 1947, p.1110.

<sup>28</sup> <http://centrebombe.org/Voltaire.-.Traite.sur.la.tolerance.pdf>, pp.40.

<sup>29</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2000, tập 4, tr.1.